

Bản án số: **19/2019/HS-ST**
Ngày: 08-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Mười.**

2/ Ông **Trần Văn Tùng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Đinh Minh T, sinh năm 1971; tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Đinh Minh N và bà Huỳnh Thị G; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1942; (Có mặt)

+ Ông Đinh Minh N, sinh năm 1942; (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

+ Anh Đinh Minh D, sinh năm 1969; Trú tại: Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 16/12/2018, Đinh Minh T đang ở nhà cùng với mẹ ruột là bà Huỳnh Thị G và anh ruột là Đinh Minh D. Lợi dụng lúc bà G và anh D đang xem tivi phía trước, T lén lút lấy chìa khóa trong túi áo để trên giường ngủ của bà G rồi mở tủ quần áo lấy trộm 01 cái bóp da màu đen bên trong có 30.464.000 đồng (60 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 56 tờ mệnh giá 5.000 đồng, 53 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 78 tờ mệnh giá 1.000 đồng) và 01 chiếc vòng vàng có khắc kí hiệu “999*TN*50” đem cất giấu trên nóc mùng ngủ của mình. Sau khi phát hiện tài sản bị mất, bà G trình báo công an xã Sơn Hòa, Công an huyện Châu Thành biết và mời T làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 cái bóp da màu đen có hai ngăn kéo, có chữ PRAHA; 01 chiếc vòng vàng có khắc kí hiệu “999*TN*50” và 30.464.000 đồng bao gồm 60 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 56 tờ mệnh giá 5.000 đồng, 53 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 78 tờ mệnh giá 1.000 đồng.

Ngày 25/12/2018, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre kết luận 01 chiếc vòng vàng có khắc kí hiệu “999*TN*50” là vàng, có hàm lượng 99.99% và khối lượng là 05 chỉ.

Tại bản kết luận số 226/KL-HĐĐG ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 cái bóp da màu đen có hai ngăn kéo, có chữ PRAHA giá trị 50.000 đồng; 01 chiếc vòng vàng, trên chiếc vòng vàng khắc kí hiệu “999*TN*50” khối lượng vàng 05 chỉ, hàm lượng vàng là 99,99%, loại vàng 24K giá trị 17.505.000 đồng.

Số tài sản bị mất nêu trên là của ông Đinh Minh N và bà Huỳnh Thị G do bà G quản lý, cất giữ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trả lại toàn bộ số tài sản nêu trên cho bà Huỳnh Thị G.

Cáo trạng số 18/CT-VKSCT ngày 18/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Đinh Minh T về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đinh Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

* Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

- Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của các bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại về đặc điểm tài sản, vị T, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ, ngày 16/12/2018, tại nhà bà Huỳnh Thị G thuộc Ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Đinh Minh T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 cái bóp da màu đen bên trong có 30.464.000 đồng (60 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 56 tờ mệnh giá 5.000 đồng, 53 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 78 tờ mệnh giá 1.000 đồng) và 01 chiếc vòng vàng có khắc kí hiệu “999*TN*50” của bà Huỳnh Thị G và ông Đinh Minh N đem cất giấu trên nóc mùng ngủ của mình.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Tổng giá trị tiền mặt và tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 48.019.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đinh Minh T đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

Tuy nhiên do bị cáo T bị nghiện rượu nặng, ý thức của bị cáo khi lấy tài sản của ông Nhựt bà G chỉ khoảng 100.000 đồng đến 200.000 đồng để mua rượu uống thôi. Kể cả ông Nhựt, bà G cũng khẳng định điều này. Bị cáo cũng không nghĩ rằng trong bóp lại có nhiều tiền như vậy, khi lấy cái bóp đem về để trên nóc mùng bị cáo cũng chưa mở ra xem cho đến khi Công an đến làm việc. Do đó Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi lượng hình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không có thiệt hại; bị cáo trình độ học vấn thấp; bản thân bị cáo bị bệnh lao phổi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo để gia đình cải tạo giáo dục bị cáo và lo điều trị bệnh cho bị cáo là các tình tiết được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tình trạng sức khỏe của bị cáo kém do đang điều trị bệnh lao phổi. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đinh Minh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Đinh Minh T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/5/2019).

Giao bị cáo Đinh Minh T về cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác

[3] Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đinh Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. S (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tòng